

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10 /2025/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước theo hình thức đặt hàng đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2025.

Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chí chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực thông tin, tuyên truyền đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tiền Giang, Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *me*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các H, TP, TX;
- VPUB: Các PVP, các phòng nghiên cứu, TT Tin học & Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (Việt). *3 B*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *buc*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Thanh
Nguyễn Thành Diệu

QUY ĐỊNH

**Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công;
giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu
sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước theo hình thức
đặt hàng đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng
chương trình phát thanh, truyền hình của Đài Phát thanh
và Truyền hình Tiền Giang**

(Kèm theo Quyết định số 10 /2025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước theo hình thức đặt hàng đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đặt hàng tuyên truyền sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình.
- Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang.
- Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Chương II NỘI DUNG TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Điều 3. Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dịch vụ công

1. Tiêu chí, tiêu chuẩn về nội dung sản phẩm chương trình phát thanh, truyền hình gồm 09 tiêu chí, tiêu chuẩn; trong đó:

- 06 tiêu chí, tiêu chuẩn yêu cầu chung về sản phẩm, gồm: Chủ đề, nội dung, thể loại, ngôn ngữ, số lượng, thời lượng.
- 03 tiêu chí, tiêu chuẩn về phát sóng gồm: Khung giờ, tần suất phát sóng, kênh chương trình được phát sóng.

2. Tiêu chí, tiêu chuẩn về kỹ thuật, truyền dẫn phát sóng sản phẩm chương trình phát thanh, truyền hình: Được phân thành các tiêu chí, tiêu chuẩn thành phần đối với sản phẩm chương trình phát thanh, sản phẩm chương trình truyền hình; cụ thể:

a) Đối với sản phẩm chương trình phát thanh: Gồm 01 tiêu chí, tiêu chuẩn yêu cầu về chất lượng truyền dẫn phát sóng theo các phương thức FM.

b) Đối với sản phẩm chương trình truyền hình: Gồm 04 tiêu chí, tiêu chuẩn trong đó: 01 tiêu chí, tiêu chuẩn yêu cầu về chất lượng tín hiệu chương trình truyền hình gồm yêu cầu về định dạng và độ phân giải khi hiển thị trên màn hình; 03 tiêu chí, tiêu chuẩn yêu cầu về chất lượng truyền dẫn, phát sóng theo các phương thức khác nhau.

3. Tiêu chí, tiêu chuẩn về lưu trữ sản phẩm chương trình phát thanh, chương trình truyền hình: Gồm 01 tiêu chí, tiêu chuẩn yêu cầu về quy cách lưu trữ sản phẩm.

Điều 4. Các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
A	Tiêu chí, tiêu chuẩn về nội dung sản phẩm chương trình phát thanh, chương trình truyền hình			
1	Chủ đề tuyên truyền	Theo hợp đồng đặt hàng.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt/Không đạt.	
2	Nội dung tuyên truyền	Theo hợp đồng đặt hàng.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt/Không đạt.	
3	Thể loại chương trình	Theo hợp đồng đặt hàng.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt/Không đạt.	Phù hợp với thể loại chương trình được quy định cụ thể tại Bộ định mức kinh tế kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
4	Ngôn ngữ thể hiện	Theo hợp đồng đặt hàng.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt/Không đạt.	
5	Số lượng chương trình	Theo hợp đồng đặt hàng.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng.	

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
			-Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt/Không đạt.	
6	Thời lượng chương trình	Theo hợp đồng đặt hàng.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt/Không đạt.	
7	Khung giờ/thời điểm phát sóng trong ngày	Theo hợp đồng đặt hàng	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt/Không đạt.	Áp dụng đối với trường hợp chương trình được đặt hàng để phát sóng trên kênh chương trình.
8	Tần suất phát sóng (Phát mới, phát lại - nếu có)	Theo hợp đồng đặt hàng.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt/Không đạt.	Áp dụng đối với trường hợp chương trình được đặt hàng để phát sóng trên kênh chương trình.
9	Kênh chương trình phát thanh/truyền hình	Theo hợp đồng đặt hàng.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt/Không đạt.	- Áp dụng đối với trường hợp chương trình được đặt hàng để phát sóng trên kênh chương trình. - Trên sản phẩm có hiển thị logo kênh chương trình.
Đơn vị được đặt hàng cung cấp các hồ sơ để đối chiếu (áp dụng đối với trường hợp chương trình được đặt hàng để phát sóng trên kênh chương trình) gồm: - Sản phẩm. - Biên bản nghiệm thu tất cả các sản phẩm đặt hàng. - Giấy xác nhận phát sóng các chương trình của kênh chương trình.				
B	Tiêu chí, tiêu chuẩn về kỹ thuật, truyền dẫn phát sóng sản phẩm chương trình phát thanh, chương trình truyền hình			
I.	Đối với sản phẩm chương trình phát thanh			
1.	Được truyền dẫn, phát sóng trên máy phát sóng FM tại	Theo giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do cơ quan có thẩm quyền cấp.	- Căn cứ theo công bố của đơn vị, tổ chức có máy phát, đối chiếu với yêu cầu đáp ứng, hợp đồng đặt hàng.	

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
	tần số 96,2 MHz.		- Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt/Không đạt.	
II.	Đối với sản phẩm chương trình truyền hình			
1	Chất lượng tín hiệu truyền hình	- Định dạng file thành phẩm, tín hiệu truyền dẫn phát sóng được mã hóa MPEG-2 và MPEG-4, có độ phân giải Full HD 1080i. - Đối với tư liệu cũ được chuyển đổi độ phân giải từ SD (PAL 768x576) lên Full HD 1080i.	- Căn cứ hiển thị chất lượng tín hiệu chương trình trên màn hình chuyên dụng của Đài hoặc đơn vị nhận đặt hàng. Đối chiếu với yêu cầu đáp ứng, hợp đồng đặt hàng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt/Không đạt.	
2	Chất lượng truyền dẫn phát sóng			
2.1	Truyền dẫn phát sóng trên hạ tầng truyền hình số vệ tinh	Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 79:2014/BTTTT về chất lượng tín hiệu truyền hình số vệ tinh DVB-S và DVB-S2 tại điểm thu.	- Đối chiếu với yêu cầu đáp ứng; hợp đồng đặt hàng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt/Không đạt.	
2.2	Truyền dẫn phát sóng trên hạ tầng truyền hình cáp số	Chất lượng tín hiệu truyền hình cáp số DVB-T2 chuẩn HD.	- Đối chiếu với yêu cầu đáp ứng; hợp đồng đặt hàng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt/Không đạt.	
2.3	Truyền dẫn phát sóng trên hạ tầng truyền hình kỹ thuật số mặt đất	Chất lượng tín hiệu truyền hình số mặt đất DVB-T2 chuẩn HD trên kênh 34-UHF đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định hiện hành.	- Đối chiếu với yêu cầu đáp ứng; hợp đồng đặt hàng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt/Không đạt.	

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
C.	Tiêu chí, tiêu chuẩn về lưu trữ sản phẩm chương trình phát thanh, chương trình truyền hình			
1	Quy cách lưu trữ sản phẩm	Theo hợp đồng đặt hàng.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt/Không đạt.	Phương thức lưu trữ sản phẩm đặt hàng để phục vụ công tác nghiệm thu.

Chương III

GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ KIỂM TRA, NGHIỆM THU SẢN PHẨM DỊCH VỤ CÔNG

Điều 5. Giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng

1. Giám sát, đánh giá

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ đặt hàng thực hiện giám sát, đánh giá tiêu chí nội dung, kỹ thuật, lưu trữ sản phẩm đặt hàng.

2. Kiểm định chất lượng

Việc đánh giá chất lượng dịch vụ sản xuất, truyền dẫn, phát sóng các chương trình đặt hàng sử dụng phương thức đánh giá “Đạt”, “Không đạt”. Khi cần kiểm tra hoặc có văn bản đề xuất kiểm tra chất lượng tín hiệu kỹ thuật đặt hàng tuyên truyền của cơ quan, đơn vị, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch, lập dự toán kinh phí thuê kiểm định tín hiệu về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang (nếu có). Trong đó:

a) Trường hợp chất lượng tín hiệu các chương trình đặt hàng đúng quy định tại hợp đồng ký kết giữa hai đơn vị, chi phí thuê kiểm định do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm chi trả.

b) Trường hợp chất lượng tín hiệu các chương trình đặt hàng không đúng quy định tại hợp đồng ký kết giữa hai đơn vị, chi phí thuê kiểm định do Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang chịu trách nhiệm chi trả.

Điều 6. Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công

1. Kiểm tra sản phẩm dịch vụ công

Cơ quan, đơn vị, địa phương đặt hàng tuyên truyền với Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang kiểm tra các sản phẩm đã phát sóng và có quyền không nghiệm thu sản phẩm đã phát sóng nếu sản phẩm không đảm bảo yêu cầu quy định tại hợp đồng đã ký kết.

2. Nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công

a) Phương thức bàn giao sản phẩm dịch vụ công

- Đối với chương trình do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đặt hàng: Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang chịu trách nhiệm lưu trữ sản phẩm trên máy chủ lưu trữ của Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang và cấp tài khoản để Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch truy cập, kiểm tra nội dung, số lượng, thời lượng các chương trình đặt hàng và nghiệm thu sản phẩm.

- Đối với chương trình do các cơ quan, đơn vị, địa phương đặt hàng: Do hai bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng nhưng không được trái với quy định pháp luật.

b) Thời gian bàn giao sản phẩm dịch vụ công

- Đối với chương trình do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đặt hàng: Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang bàn giao sản phẩm trước ngày 05 hàng tháng; Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang phải cập nhật đầy đủ các chương trình đặt hàng trong tháng trước liền kề lên máy chủ lưu trữ. Riêng tháng 12, phải hoàn thành việc cập nhật chương trình đặt hàng theo tiến độ phát sóng hàng ngày và hoàn thành trong ngày 31/12.

- Đối với chương trình do các cơ quan, đơn vị, địa phương đặt hàng: Do hai bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng.

c) Nội dung bàn giao sản phẩm dịch vụ công

Sản phẩm nghiệm thu, bàn giao bao gồm: Bảng kê chi tiết các chương trình đặt hàng; danh mục thống kê phát sóng và nhật ký phát sóng các chương trình đặt hàng; file sản phẩm đặt hàng được lưu trữ trong ổ cứng, thiết bị lưu trữ dữ liệu sử dụng bộ nhớ.

d) Thời gian nghiệm thu

- Đối với chương trình do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đặt hàng: Thời gian nghiệm thu theo từng tháng, chậm nhất 10 ngày sau khi nhận bàn giao đủ sản phẩm trong tháng.

- Đối với chương trình do các cơ quan, đơn vị, địa phương đặt hàng: Thời gian nghiệm thu theo thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Thanh toán

- Tạm ứng được quy định cụ thể trong hợp đồng, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu và các chứng từ có liên quan, cơ quan, đơn vị, địa phương phải thanh toán chi phí đặt hàng cho Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang theo quy định.

- Việc nghiệm thu, thanh toán thực hiện theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại Điều này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan đặt hàng tuyên truyền, đơn vị sản xuất chương trình đặt hàng triển khai thực hiện nhiệm vụ đặt hàng hàng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra, theo dõi và giám sát, đánh giá chất lượng việc thực hiện đặt hàng tuyên truyền của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3. Thực hiện báo cáo định kỳ hàng năm hoặc báo cáo đột xuất về Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện đặt hàng dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 8. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí để thực hiện đặt hàng các hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đặt hàng

1. Hàng năm, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang lập danh mục đặt hàng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục đặt hàng; tổ chức triển khai việc đặt hàng theo danh mục do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Ký kết hợp đồng, thực hiện nghiệm thu, thanh quyết toán với đơn vị sản xuất chương trình đặt hàng theo quy định của pháp luật.

3. Chủ động cung cấp thông tin của ngành, đơn vị cho Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang phục vụ công tác tuyên truyền; nâng cao chất lượng các chương trình đặt hàng.

4. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đặt hàng có trách nhiệm giám sát, đánh giá chất lượng các chương trình đặt hàng và chịu trách nhiệm về hiệu quả công tác tuyên truyền, nguồn kinh phí được cấp và báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Trách nhiệm của Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang

1. Tổ chức triển khai sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình phục vụ việc đặt hàng dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị đặt hàng xây dựng kế hoạch, kinh phí thực hiện việc đặt hàng tuyên truyền.

3. Thực hiện ký kết hợp đồng với cơ quan, đơn vị đặt hàng tuyên truyền theo quy định của pháp luật.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan đặt hàng tuyên truyền về nội dung, chất lượng chương trình đặt hàng do đơn vị sản xuất, phát sóng./.

14/3/21